

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG NGUYỄN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/2023HNGĐ-ST

Ngày 28 - 02 -2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG NGUYỄN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Tú;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Nghĩa Toàn.

2. Ông Trần Văn Hải; ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyễn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyễn, tỉnh Nghệ An:

Bà Nguyễn Thị Giang tham gia phiên tòa

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyễn xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 142/2022/TLST – HNGĐ, ngày 15/12/ 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01 /2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/ 2023/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà LTT; sinh năm 1974; Hộ khẩu thường trú: Khối X, TT N, huyện Hưng Nguyễn, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ hiện tại: VY, TT NC, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông HXS, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khối X, TT N, huyện Hưng Nguyễn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 12 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà LTT trình bày: Bà và ông HXS có đăng ký kết hôn kết hôn năm 1989 tại UBND xã M, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Nhưng đến nay, giấy đăng ký kết hôn hai bên đã làm mất Ủy ban nhân dân xã M, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xác nhận các giấy tờ lưu giữ tại xã thời kỳ năm 1989 hiện nay không còn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn do

tính tình không hợp, trái quan điểm sống. Vợ chồng ly thân nhau hơn 10 năm nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông HXS để giải phóng cho nhau. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là HXB, sinh ngày 12/6/1991 và HTT, sinh ngày 06/8/1995. Hiện các con đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và các khoản nợ: Bà LTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa bà LTT giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phía bị đơn là ông HXS trình bày tại bản tự khai như sau: Về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như bà LTT trình bày. Nay bà T làm đơn yêu cầu ly hôn, ông không có ý kiến gì, bà T yêu cầu, tự bà giải quyết. Về tài sản và các khoản nợ: ông HXS không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho bà LTT được ly hôn ông HXS. Bà Thu phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình các bên đều khai có đăng ký kết hôn trước năm 1989 nhưng các đương sự không cung cấp được Giấy đăng ký kết hôn do lâu ngày quá bị mất. Phía UBND xã M, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa cũng xác minh hiện tài liệu đăng ký kết hôn của bà LTT và ông HXS không còn lưu giữ nữa. Nên đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn là ông HXS có hộ khẩu thường trú tại Khố X, TT N, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các bên không hòa giải được nên Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà LTT và ông HXS là vợ chồng, sống chung hạnh phúc được 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình

không hợp, trái quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau thời gian dài. Bà T vẫn cương quyết ly hôn, ông S không có ý kiến gì.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng bà Thu và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên đã thuận tình ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà LTT được ly hôn ông HXS.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung có tên là HXB, sinh ngày 12/6/1991 và HTT, sinh ngày 06/8/1995. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Tài sản và các khoản nợ*: bà LTT và ông HXS không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc nguyên đơn bà LTT phải án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà LTT được ly hôn ông HXS.

2. *Về án phí*: Bà LTT phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà T đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0003996 ngày 15 tháng 12 năm 2022. Bà LTT đã nộp đủ.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THA DS huyện Hưng Nguyên
- Dương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Quốc Tú